TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUANG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:30/2022/HSST
Ngày: 07/7/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà **Nguyễn Thị Xuân Thùy.**

Các Hội thẩm nhân dân :

Bà **Phan Thị Thanh Dung.**

Ông **Dương Minh Ngọc.**

- Thư ký phiên tòa : Bà **Lê Huỳnh Lan Vi** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông **Võ Văn Duy –** Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số : 42/2022/TL-HSST ngày 10 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ tên: **Trần Công D**, sinh ngày: 07/6/1994, tại Núi Thành, Quảng Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: K3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Họ và tên cha: Trần A, sinh năm: 1966. Họ và tên mẹ: Lê Thị H, sinh năm: 1965; Bị cáo chưa có vợ con, là con trai út trong gia đình.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2021 đến nay. Hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Công D: Ông Trịnh Văn Hoàng – Trợ giúp viên pháp lý – Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 03, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Lê Thị H, sinh năm: 1965.

+ Ông Lê Hg, sinh năm: 1970.

Cùng trú tại: K3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm: 1964, địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Bà H có mặt, ông Hg, ông Tr vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 29/12/2021, Trần Công D điều khiển xe mô tô BKS 92N6-0504, là xe của bà Lê Thị H đi từ huyện N ra thành phố T để mua ma túy đá về sử dụng. D đi đến ngã tư đường Nguyễn Hoàng – Thanh Hóa thuộc thành phố T, gặp một người đàn ông không rõ lai lịch địa chỉ, D hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá, người này đồng ý. D đưa tiền, người đàn ông đưa cho D 01 gói ni lông, bên trong có chứa ma túy đá, D bỏ vào túi áo khoác bên trái phía trước chạy về lại huyện N.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, khi đến đoạn đường gần quán cà phê L thuộc k 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam thì bị tổ công tác Công an huyện Núi Thành phối hợp với Bộ tư lệnh Vùng cảnh sát biển 2 phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ, niêm phong tang vật gồm: 01 gói ni lông đường khèn kín các đầu, có kích thước 2,7cm x 0,9 cm, bên trong có chứa các chất tinh thể màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, màu vàng trắng, điện thoại đã qua sử dụng; 01 xe mô tô hiệu Oriental, BKS 92N6 – 0504.

*** Tại bản kết luận giám định số** 1629/C09C-Đ2 ngày 31/12/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Chất rắn màu trắng dạng tinh thể bên trong gói ni lông kích thước 2,7cm x 0,9cm gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng mẫu là 0,13gam. Khối lượng mẫu còn lại sau giám định là 0,12 gam chất rắn và vỏ bao gói chứa trong 01 phong bì số 1629/C09C-Đ2, bên ngoài có dấu đỏ của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng, chữ ký và tên của Trần Thị Dung và Phạm Phú Nhật.

Tại cáo trạng số 32/CT-VKS-NT ngày 02/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành truy tố bị cáo Trần Công D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Công D về tội "Tàng trữ bán trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm p, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Danh từ 12 đến 15 tháng tù. Về vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 phong bì số 1629/C09C-DD, bên ngoài có dấu đỏ của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng, chữ ký và tên của Trần Thị Dung và Phạm Phú Nhật, bên trong có toàn bộ vỏ bao gói; 0,12 gam chất rắn màu trắng còn lại sau giám định.

Người bào chữa cho bị cáo, ông Trịnh Văn Hoàng thống nhất ý kiến với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành về việc truy tố bị cáo theo quy định điểm c, khoản 1 Điều 249 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, s khoản 1 Điều 51. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 gồm gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, phạm tội lần đầu, bị cáo là người khuyết tật nặng đang cần phẫu thuật để xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chữa bệnh.

Tại phiên tòa và lời nói sau cùng, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Núi Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: Qua điều tra xác định, khoảng 11 giờ ngày 29/12/2021, bị cáo D có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,13 gam, nhằm mục đích sử dụng. Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết quả giám định và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên toà, nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Hành vi của bị cáo D đầy đủ yếu tố cấu thành tội "*tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của vụ án: Tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi xâm phạm đến quản lý độc quyền về ma túy của Nhà nước. Tội phạm ma túy hiện nay ngày càng tăng, tình hình phức tạp, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống gia đình của bị cáo cũng như xã hội. Bị cáo Trần Công D là người đã thành niên, bị cáo có đủ khả năng nhận thức được ma túy là chất gây nghiện, có ảnh hưởng xấu đến người dùng, việc tàng trữ ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Do đó, cần có mức án phù hợp, nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Sau khi phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người có khuyết tật nặng về thể chất do tai nạn giao thông. Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên áp dụng điểm p, s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ khi quyết định hình phạt cho bị cáo là phù hợp với tính nhân đạo pháp luật xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra, bị cáo còn có tình tiết phạm tội lần đầu, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên áp dụng khoản 2, Điều 51 cho bị cáo theo như đề nghị của người bào chữa là phù hợp. Do vụ án có tính chất nghiêm trọng, ảnh hưởng đến tình hình xã hội tại địa phương, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo mục đích răn đe, phòng ngừa, giáo dục của hình phạt. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt, mức hình phạt áp dụng cho bị cáo là phù hợp. Đối với đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng án treo cho bị cáo là không phù hợp với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, không đáp ứng

được mục đích răn đe giáo dục đối với bị cáo, phòng ngừa chung cho xã hội nên không chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo Trần Công D là người không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, hiện đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Núi Thành trả cho lại bà Lê Thị H 01 xe mô tô nhãn hiệu Oriental, BKS 92N6-0504; đây là tài sản hợp pháp của bà H, bị cáo lấy xe đi mua ma túy bà H không biết nên trả lại cho bà H là phù hợp; Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, màu vàng trắng, điện thoại đã qua sử dụng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, do vậy việc trả lại các vật chứng trên là phù hợp.

[6.2] Cần tịch thu tiêu hủy 01 phong bì số 1629/C09C-DD, bên ngoài có dấu đỏ của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng, chữ ký và tên của Trần Thị Dung và Phạm Phú Nhật, bên trong có toàn bộ vỏ bao gói, 0,12 gam chất rắn màu trắng còn lại sau giám định.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Các vấn đề khác có liên quan: Đối với đối tượng bán ma túy cho bị cáo D chưa xác định được lai lịch nên tách ra làm rõ xử lý sau là phù hợp với quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo **Trần Công D** phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Xử phạt bị cáo: **Trần Công D 12** (*mười hai*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 29/12/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì số 1629/C09C-DD, bên ngoài có dấu đỏ của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng, chữ ký và tên của Trần Thị Dung và Phạm Phú Nhật, bên trong có toàn bộ vỏ bao gói, 0,12 gam chất rắn màu trắng còn lại sau giám định.

(*Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án huyện Núi Thành theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/4/2022)*.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo D phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng);*

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhân;
- Bị cáo;
- VKSND huyện Núi Thành;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THA huyện Núi Thành;
- Công an huyện Núi Thành;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Thùy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa